

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ định kèm đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 9 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HANICHEMCO.

Mã chứng khoán: DHB.

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **2.722.000.000.000 đồng** (Hai nghìn, bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng).

Vốn thực góp tại ngày 30/6/2021 là: **2.722.000.000.000 đồng** (Hai nghìn, bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/6/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty được thể hiện cụ thể tại các báo cáo đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
Ông	Nguyễn Đức Ninh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Trung	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Hà Xuân Hán	Trưởng ban
Bà	Đinh Thị Minh Lý	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
Ông	Lê Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Ông	Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc
-----	-----------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM (“AISC”) đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Nguyễn Đức Ninh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: B0621038-SXHN/AISHN-TC

Kính gửi:

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá tổng thể việc trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 chưa được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Quá trình quyết toán dự án, chủ đầu tư và các nhà thầu chưa thống nhất được giá trị quyết toán các gói thầu số 8, 10, 14 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng, dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.13; V.16 và VIII.1).

Với các bằng chứng thu thập được và các thủ tục thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến việc quyết toán nêu trên của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Ngoại trừ ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy từ tình huống nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Branch in Hà Nội:

6th Floor, 36 Hoa Bình 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội City

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Đà Nẵng:

350 Hai Phong Str., Thanh Khe Dist., Đà Nẵng City

Tel: (84.236) 3747 619

Fax: (84.236) 3747 620

Email: danang@aisc.com.vn

Rep. Office in Cần Thơ:

P9019 - A 200 Nguyễn Hiền Str., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Tel: (84.28) 3832 9129

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: cantho@aisc.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh VIII.5, tại thời điểm 30/6/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 5.601.303.706.557 đồng, lỗ lũy kế 5.161.887.387.112 đồng lớn hơn vốn góp của chủ sở hữu 2.392.968.738.567 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

- Tại thuyết minh IV.8, V.8, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

- Tại thuyết minh V.10, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được hình thành từ Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2021

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÀO TIẾN ĐẠT

Số Giấy CNĐKHNKT: 0078-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		588.956.948.326	927.173.829.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	138.342.393.509	221.320.856.530
1. Tiền	111		116.646.825.122	199.721.127.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.695.568.387	21.599.728.632
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.148.657.013	158.140.566.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	86.725.103.604	126.470.633.753
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	35.857.479.870	15.179.116.975
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.910.410.601	21.835.152.437
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.344.337.062)	(5.344.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	298.651.833.302	533.315.895.917
1. Hàng tồn kho	141		298.651.833.302	533.315.895.917
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.814.064.502	6.396.510.759
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.394.293.563	6.010.509.393
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	419.770.939	386.001.366
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.329.833.950.841	7.693.357.538.890
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		5.509.038.529.440	5.787.231.820.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	5.504.567.870.939	5.782.114.047.242
- Nguyên giá	222		10.016.561.992.127	10.016.561.992.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.511.994.121.188)	(4.234.447.944.885)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.470.658.501	5.117.773.267
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.755.952.792)	(8.108.838.026)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	86.729.275.711	71.418.784.594
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		86.695.723.171	71.385.232.054
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	13.498.134.751	17.787.190.069
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.498.134.751	17.787.190.069
V. Tài sản dài hạn khác	260		979.763.992.976	1.076.115.725.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	979.763.992.976	1.076.115.725.755
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.918.790.899.167	8.620.531.368.199

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.311.759.637.734	10.597.927.499.003
I. Nợ ngắn hạn	310		6.190.260.654.883	5.735.276.439.433
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	397.808.223.026	431.612.016.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	105.961.775.537	67.044.878.654
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	6.714.785.073	9.868.209.799
4. Phải trả người lao động	314		9.981.252.633	12.187.363.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	126.393.923	2.279.072.989
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	3.060.520.349.072	2.664.468.433.920
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	2.592.800.218.800	2.545.871.470.766
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	14.227.229.487	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.120.427.332	1.944.993.832
II. Nợ dài hạn	330		4.121.498.982.851	4.862.651.059.570
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	74.092.288.282	99.263.023.572
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	4.047.406.694.569	4.763.388.035.998
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(2.392.968.738.567)	(1.977.396.130.804)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(2.392.968.738.567)	(1.977.396.130.804)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		6.018.633.885	6.018.633.885
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.059.551.063	6.059.551.063
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.161.887.387.112)	(4.747.011.160.298)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.747.500.991.159)	(3.285.946.095.423)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(414.386.395.953)	(1.461.065.064.875)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		34.840.463.597	35.536.844.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.918.790.899.167	8.620.531.368.199

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.867.377.395.607	1.486.920.402.918
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	1.867.377.395.607	1.486.920.402.918
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.709.313.401.878	1.622.411.326.877
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.063.993.729	(135.490.923.959)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.458.418.429	5.656.797.892
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	471.837.949.808	457.071.980.069
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		471.837.949.808	440.310.683.901
7. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(4.289.055.318)	(11.112.098)
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	53.245.193.494	47.817.429.361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	66.796.343.296	59.506.571.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(416.646.129.758)	(694.241.219.302)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.760.494.649	2.992.248.096
12. Chi phí khác	32	VI.9	928.245.154	1.132.456.548
13. Lợi nhuận khác	40		1.832.249.495	1.859.791.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(414.813.880.263)	(692.381.427.754)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.11	0	303.669.898
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(414.813.880.263)	(692.685.097.652)
17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(414.386.395.953)	(693.099.283.265)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(427.484.310)	414.185.613
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.522)	(2.546)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.522)	(2.546)

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lê Anh Tuấn

Nguyễn Đức Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(414.813.880.263)	(692.381.427.754)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	348.942.363.087	379.426.264.723
Các khoản dự phòng	03	14.227.229.487	19.333.999.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.598.449.136)	16.275.605.664
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.615.519.290)	(5.183.158.612)
Chi phí lãi vay	06	471.837.949.808	440.310.683.901
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	403.979.693.693	157.781.966.922
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.049.055.479	(86.549.333.483)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	234.664.062.615	11.011.724.572
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(22.131.891.457)	47.341.481.098
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	25.291.940.570	18.046.614.012
Tiền lãi vay đã trả	14	(86.319.974.920)	(106.461.484.064)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(1.331.366.568)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(538.919.000)	(1.156.488.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	570.993.966.980	38.683.114.489
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.904.570.685	5.165.161.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.904.570.685	5.165.161.115
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	404.000.000.000	697.900.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.060.310.900.945)	(745.398.857.312)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.502.247.675)	(128.903.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(661.813.148.620)	(47.627.760.812)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(82.914.610.955)	(3.779.485.208)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	221.320.856.530	182.590.074.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(63.852.066)	151.351
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	138.342.393.509	178.810.741.025

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 10 năm 2019.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

4.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh H2O2	64,56%	64,56%	64,56%

4.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	36,00%	36,00%	36,00%

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO2	64,56%	64,56%	64,56%

Danh sách các Công ty con không được hợp nhất: Không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và các công ty con được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) của hoạt động kinh doanh được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi mở tài khoản.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động quản lý dự án được trình bày theo giá gốc.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;
- Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.

Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được gán vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tạo ra tài sản trong doanh nghiệp được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản,...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được giãn,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cô phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được giãn phân bổ 2 năm (đối với các tài sản có thời gian sử dụng nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (đối với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay, chi phí khác

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay phải trả đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập chung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền	116.646.825.122	199.721.127.898
Tiền mặt	5.238.351.858	3.302.769.117
Tiền gửi ngân hàng	111.408.473.264	196.418.358.781
Các khoản tương đương tiền	21.695.568.387	21.599.728.632
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	21.695.568.387	21.599.728.632
Cộng	138.342.393.509	221.320.856.530

(*): Tại ngày 30/6/2021, số dư các khoản tương đương tiền bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 4,3%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng với tổng giá trị 6.695.568.387 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 3%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000

(*): Đây là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 5,3%/năm. Hợp đồng tiền gửi này dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

b. Dài hạn

- Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	36,00%	13.498.134.751	36,00%	17.787.190.069
Cộng	36,00%	13.498.134.751	36,00%	17.787.190.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	86.725.103.604	0	126.470.633.753	0
Công ty Cổ phần Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - Văn phòng điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	14.196.495.500	0	8.313.833.000	0
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	0	0	19.521.583.400	0
Khách hàng khác	18.443.824.744	0	44.550.433.993	0
Cộng	86.725.103.604	0	126.470.633.753	0
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	0	0	19.521.583.400	0
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	1.413.367.349	0	1.960.731.234	0
Cộng	1.413.367.349	0	21.482.314.634	0

(*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng của công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	35.857.479.870	0	15.179.116.975	0
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	27.319.567.295	0	10.752.321.397	0
Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hòa Tấn Nam Ninh Trung Quốc	3.868.746.019	0	3.182.002.474	0
Trả trước cho người bán khác	4.669.166.556	0	1.244.793.104	0
Cộng	35.857.479.870	0	15.179.116.975	0
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	1.469.048.200	0	0	0
Cộng	1.469.048.200	0	0	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Phải thu khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.910.410.601	(5.344.337.062)	21.835.152.437	(5.344.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390, 395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Phải thu chi phí đầu tư Dự án tái định cư	1.922.846.560	0	1.922.846.560	0
Phải thu về tạm ứng	1.771.618.000	0	193.700.000	0
Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	0	0	2.000.000.000	0
Các khoản phải thu khác	4.649.525.734	(134.000.000)	5.152.185.570	(134.000.000)
Cộng	20.910.410.601	(5.344.337.062)	21.835.152.437	(5.344.337.062)
b. Dài hạn				
Phải thu nhà thầu EPC gói 8 - Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
Cộng	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0

(*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.10)

6. Nợ xấu

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội	5.210.337.062	0	5.210.337.062	0
UBND Phường Trần Nguyên Hãn	134.000.000	0	134.000.000	0
Cộng	5.344.337.062	0	5.344.337.062	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	265.427.302.246	0	282.050.400.458	0
Công cụ, dụng cụ	701.423.104	0	578.090.027	0
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.882.487.796	0	12.813.555.687	0
Thành phẩm	5.640.620.156	0	237.873.849.745	0
Cộng	298.651.833.302	0	533.315.895.917	0

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty mẹ được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-DHB ngày 11/11/2019 của Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

8. Chi phí trả trước

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	5.394.293.563	6.010.509.393
Chi phí bảo hiểm	4.319.408.970	4.818.209.764
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.074.884.593	1.192.299.629
b. Dài hạn	979.763.992.976	1.076.115.725.755
Chi phí sửa chữa lớn	33.026.876.668	45.298.702.988
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	84.759.075.128	94.176.750.142
Tiền thuê đất (*)	58.233.642.277	59.160.578.298
Khấu hao TSCĐ được giãn theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	803.280.683.175	874.029.755.193
Chi phí trả trước dài hạn khác	463.715.728	3.449.939.134
Cộng (a+b)	985.158.286.539	1.082.126.235.148

(*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang, 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 đồng. Tại thời điểm 30/6/2020, số tiền GPMB được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 58.233.642.277 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2021
a. Phải nộp				
Thuế GTGT	9.032.199.360	27.009.559.547	29.911.757.650	6.130.001.257
Thuế GTGT hàng NK	0	2.086.602.693	2.086.602.693	0
Thuế xuất nhập khẩu	0	2.309.723.615	2.309.723.615	0
Thuế TNCN	7.058.939	77.409.036	62.151.759	22.316.216
Thuế tài nguyên	102.978.000	680.637.362	664.149.362	119.466.000
Thuế môn bài	0	6.000.000	6.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	725.973.500	758.519.600	1.041.491.500	443.001.600
Cộng	9.868.209.799	32.928.451.853	36.081.876.579	6.714.785.073
b. Phải thu	312.119.556	3.785.509.352	3.754.071.421	280.681.625
Thuế thu nhập cá nhân	0	0	16.630.306	16.630.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.881.810	0	0	73.881.810
Thuế giá trị gia tăng	0	0	65.207.504	65.207.504
Tiền thuê đất	312.119.556	3.785.509.352	3.737.441.115	264.051.319
Cộng	386.001.366	3.785.509.352	3.819.278.925	419.770.939

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: đồng				
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá (*)					
Số dư đầu kỳ	2.057.039.914.438	7.926.878.741.760	32.441.526.838	201.809.091	10.016.561.992.127
Số dư cuối kỳ	2.057.039.914.438	7.926.878.741.760	32.441.526.838	201.809.091	10.016.561.992.127
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	719.381.711.153	3.486.711.918.984	28.168.357.309	185.957.439	4.234.447.944.885
Khấu hao trong kỳ	35.087.852.946	242.121.795.195	333.357.996	3.170.166	277.546.176.303
Số dư cuối kỳ	754.469.564.099	3.728.833.714.179	28.501.715.305	189.127.605	4.511.994.121.188
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.337.658.203.285	4.440.166.822.776	4.273.169.529	15.851.652	5.782.114.047.242
Số dư cuối kỳ	1.302.570.350.339	4.198.045.027.581	3.939.811.533	12.681.486	5.504.567.870.939

(*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 đồng. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 đồng nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 đồng và tạm trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty tạm ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành từ cấp có thẩm quyền.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.492.937.939.090 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 936.301.843.010 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không sử dụng chờ thanh lý 512.087.070 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối kỳ	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	8.108.838.026	8.108.838.026
Khấu hao trong kỳ	647.114.766	647.114.766
Số dư cuối kỳ	8.755.952.792	8.755.952.792
Giá trị còn lại		0
Số dư đầu kỳ	5.117.773.267	5.117.773.267
Số dư cuối kỳ	4.470.658.501	4.470.658.501

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.872.775.000 đồng.

12. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	33.552.540	33.552.540
Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	33.552.540
b. Xây dựng cơ bản dở dang	86.695.723.171	71.385.232.054
Dự án tái định cư (*)	71.385.232.054	71.385.232.054
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	15.310.491.117	0
Cộng (a+b)	86.729.275.711	71.418.784.594

(*) Dự án được đầu tư bởi Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với tổng mức đầu tư 87 tỷ đồng tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Mục đích của dự án là tái định cư cho người dân nằm trong dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn chờ quyết toán.

13. Phải trả người bán

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	397.808.223.026	397.808.223.026	431.612.016.145	431.612.016.145
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	213.514.859.314	213.514.859.314	214.317.429.703	214.317.429.703
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	63.378.049.152	63.378.049.152	70.430.156.920	70.430.156.920
Công ty CP Than Sông Hồng	52.119.884.960	52.119.884.960	60.341.057.964	60.341.057.964
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan Dự án Cải tạo mở rộng Nhà máy đạm	6.749.464.777	6.749.464.777	6.749.464.777	6.749.464.777
Các nhà cung cấp khác	62.045.964.823	62.045.964.823	79.773.906.781	79.773.906.781
Cộng	397.808.223.026	397.808.223.026	431.612.016.145	431.612.016.145
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	1.854.897.000	1.854.897.000	1.424.350.400	1.424.350.400
	1.854.897.000	1.854.897.000	1.424.350.400	1.424.350.400

(*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	105.961.775.537	67.044.878.654
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	49.791.155.700	0
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	11.882.660.000	0
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại tổng hợp Thanh Sơn	8.781.500.000	11.045.272.915
Các khách hàng khác	35.506.459.837	55.999.605.739
Cộng	105.961.775.537	67.044.878.654
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	49.791.155.700	0
Công ty CP DAP - Vinachem	1.240.800.000	1.400.000
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	4.550.000.000	0
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	576.969.250	0
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	29.027.000	12.426.020.000
Cộng	56.187.951.950	12.427.420.000

15. Chi phí phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	126.393.923	2.279.072.989
Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	78.600.000	81.054.000
Chi phí lãi vay phải trả	26.793.923	1.953.510.189
Chi phí trích trước khác	21.000.000	244.508.800
Cộng	126.393.923	2.279.072.989

16. Phải trả khác

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	3.060.520.349.072	2.664.468.433.920
Kinh phí công đoàn	911.448.100	1.014.922.665
Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
Bảo hiểm y tế	402.750	0
Nhận cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	0	84.750.000
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang	2.944.979.343.261	2.557.540.010.306
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	39.500.000.000	45.000.000.000
Vật tư đã nhập kho chưa thanh toán	35.139.036.719	16.513.821.897
Phải trả chi phí dự án tái định cư (*)	1.911.956.217	1.911.956.217
Các khoản phải trả liên quan phần tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.926.389.122	7.251.199.932
b. Dài hạn	74.092.288.282	99.263.023.572
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.282.488.282	32.453.223.572
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (*)	66.809.800.000	66.809.800.000
Cộng (a+b)	3.134.612.637.354	2.763.731.457.492
c. Phải trả khác là bên liên quan		
Lợi nhuận còn lại năm 2014 phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	39.500.000.000	45.000.000.000
Cộng	39.500.000.000	45.000.000.000

(*): Thu tiền để thực hiện công trình cho công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

- Nguồn thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chi tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 71,4 tỷ đồng; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ đồng. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

	30/06/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.592.800.218.800	2.592.800.218.800	538.228.748.034	491.300.000.000	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766
<i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	2.592.800.218.800	2.592.800.218.800	538.228.748.034	491.300.000.000	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	141.000.000.000	141.000.000.000	404.000.000.000	491.300.000.000	228.300.000.000	228.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.451.800.218.800	2.451.800.218.800	134.228.748.034	-	2.317.571.470.766	2.317.571.470.766
Cộng	2.592.800.218.800	2.592.800.218.800	538.228.748.034	491.300.000.000	2.545.871.470.766	2.545.871.470.766
b. Vay dài hạn	4.047.406.694.569	4.047.406.694.569	(134.228.748.034)	581.752.593.395	4.763.388.035.998	4.763.388.035.998
<i>Vay ngân hàng dài hạn</i>	4.047.394.204.569	4.047.394.204.569	(134.228.748.034)	581.752.593.395	4.763.375.545.998	4.763.375.545.998
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)	2.450.014.841.704	2.450.014.841.704	0	235.410.032.390	2.685.424.874.094	2.685.424.874.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)	533.684.357.717	533.684.357.717	0	60.412.110.398	594.096.468.115	594.096.468.115
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)	3.485.268.000.000	3.485.268.000.000	0	279.000.000.000	3.764.268.000.000	3.764.268.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)	13.094.633.468	13.094.633.468	0	5.104.650.627	18.199.284.095	18.199.284.095
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (6)	17.132.590.480	17.132.590.480	0	1.825.799.980	18.958.390.460	18.958.390.460
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.451.800.218.800)	(2.451.800.218.800)	(134.228.748.034)	0	(2.317.571.470.766)	(2.317.571.470.766)
<i>Vay cá nhân dài hạn</i>	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Vay cán bộ nhân viên	12.490.000	12.490.000	0	0	12.490.000	12.490.000
Cộng (a+b)	6.640.206.913.369	6.640.206.913.369	404.000.000.000	1.073.052.593.395	7.309.259.506.764	7.309.259.506.764

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 30/6/2021	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)						
Hợp đồng số 01/2019/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 11/11/2019	Từ 22/02/2021 đến 31/12/2021	5,9%/năm	380.000.000.000	141.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang và công nợ phải thu khách hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (2)						
Hợp đồng tín dụng số 01.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	5,5%/năm	192 triệu USD	115.676.281,46 USD	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VNĐ</i>				2.450.014.841.704		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (3)						
Hợp đồng tín dụng số 02.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	5,5%/năm	30 triệu USD	25.591.060,44 USD	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VNĐ</i>				533.684.357.717		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN ngân hàng phát triển Bắc Giang (4)						
Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 11/9/2008	Đến năm 2023	Lãi suất bình quân 10,78%/năm	4.125.000.000.000	3.485.268.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)						
Hợp đồng tín dụng số 0001-018- 01/HĐTD ngày 15/7/2010	26/9/2024	7%/năm	1.503.879 USD	566.671 USD	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VNĐ</i>				13.094.633.468		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang (5)						
Hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/7/2010	26/9/2024	6,5%/năm	1.610.924 USD	741.029 USD	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	Tài sản được hình thành từ vốn vay
<i>Quy đổi VNĐ</i>				17.132.590.480		
Cộng				6.623.061.832.890		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Dự phòng phải trả

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Ngắn hạn	14.227.229.487	0
Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch năm 2021	14.227.229.487	0
Cộng	<u><u>14.227.229.487</u></u>	<u><u>0</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hãn, phường Thọ Xương
thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	5.481.025.479	(3.284.320.632.573)	35.548.719.729	(515.272.253.480)
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	(693.099.283.265)	414.185.613	(692.685.097.652)
Số dư cuối kỳ trước	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(3.979.045.378.688)	35.388.180.608	(1.209.579.013.132)
Số dư đầu kỳ này	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(4.747.011.160.298)	35.536.844.546	(1.977.396.130.804)
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	(414.386.395.953)	(427.484.310)	(414.813.880.263)
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	(489.830.861)	(268.896.639)	(758.727.500)
Số dư cuối kỳ này	2.722.000.000.000	6.018.633.885	6.059.551.063	(5.161.887.387.112)	34.840.463.597	(2.392.968.738.567)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2021	01/01/2021
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
Cộng	100,00%	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	272.200.000	272.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	272.200.000	272.200.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	6.059.551.063	6.059.551.063
Cộng	6.059.551.063	6.059.551.063

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bổ sung vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

b. Ngoại tệ các loại

	30/06/2021	01/01/2021
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
USD	189.898,77	74.940,14
Cộng	189.898,77	74.940,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	1.867.377.395.607	1.486.920.402.918
Cộng	<u>1.867.377.395.607</u>	<u>1.486.920.402.918</u>

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	1.867.377.395.607	1.486.920.402.918
Cộng	<u>1.867.377.395.607</u>	<u>1.486.920.402.918</u>

3. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	1.645.832.226.010	1.551.749.975.712
Thuế GTGT không được khấu trừ	63.481.175.868	70.661.351.165
Cộng	<u>1.709.313.401.878</u>	<u>1.622.411.326.877</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.244.794.485	1.682.115.140
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.659.776.200	3.459.624.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	955.398.608	6.372.599
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	12.598.449.136	485.539.153
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	23.147.000
Cộng	<u>21.458.418.429</u>	<u>5.656.797.892</u>

5. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền vay	471.837.949.808	440.310.683.901
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	0	16.761.296.168
Cộng	<u>471.837.949.808</u>	<u>457.071.980.069</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân viên	163.516.851	124.042.073
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.221.992	10.457.183
Chi phí khấu hao TSCĐ	0	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.034.000	253.505.400
Chi phí bằng tiền khác	52.567.420.651	47.429.424.705
Cộng	53.245.193.494	47.817.429.361

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân viên	21.509.031.170	17.261.030.936
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.505.980.436	1.376.920.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.793.392.667	17.926.252.269
Thuế, phí, lệ phí	4.145.297.731	227.952.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.739.770	1.258.544.281
Chi phí bằng tiền khác	24.633.901.522	21.455.871.592
Cộng	66.796.343.296	59.506.571.707

8. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi chậm trả tiền hàng	1.816.471.036	2.588.555.389
Tiền phạt thu được	30.000.000	20.439.893
Thu nhập khác	914.023.613	383.252.814
Cộng	2.760.494.649	2.992.248.096

9. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí khấu hao TSCĐ	883.540.923	940.097.168
Các khoản khác	44.704.231	192.359.380
Cộng	928.245.154	1.132.456.548

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	831.409.086.955	926.583.433.310
Chi phí nhân công	95.830.616.068	86.671.437.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.067.015.560	378.475.925.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.788.603.489	170.518.435.969
Chi phí khác bằng tiền khác	144.095.319.116	129.888.656.780
Cộng	1.611.190.641.188	1.692.137.889.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	303.669.898
2. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	0	303.669.898

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(414.386.395.953)	(693.099.283.265)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(414.386.395.953)	(693.099.283.265)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.522)	(2.546)

14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(414.386.395.953)	(693.099.283.265)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(414.386.395.953)	(693.099.283.265)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.522)	(2.546)

15. Công cụ tài chính

Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

15.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

15.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

15.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>			
Tại ngày 30/6/2021	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	2.592.800.218.800	4.047.406.694.569	6.640.206.913.369
Phải trả người bán	397.808.223.026	0	397.808.223.026
Phải trả khác	3.059.608.349.516	74.092.288.282	3.133.700.637.798
Chi phí phải trả	126.393.923	0	126.393.923
Cộng	6.050.343.185.265	4.121.498.982.851	10.171.842.168.116
Tại ngày 01/01/2021	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	2.545.871.470.766	4.763.388.035.998	7.309.259.506.764
Phải trả người bán	431.612.016.145	0	431.612.016.145
Phải trả khác	2.663.453.362.549	99.263.023.572	2.762.716.386.121
Chi phí phải trả	2.279.072.989	0	2.279.072.989
Cộng	5.643.215.922.449	4.862.651.059.570	10.505.866.982.019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản công nợ đáo hạn vòng 12 tháng.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương

thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021		01/01/2021		30/06/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	138.342.393.509	0	221.320.856.530	0	138.342.393.509	221.320.856.530
- Phải thu khách hàng	86.725.103.604	0	126.470.633.753	0	86.725.103.604	126.470.633.753
- Phải thu khác	759.942.810.564	(5.344.337.062)	760.716.323.840	(5.344.337.062)	754.598.473.502	755.371.986.778
TỔNG CỘNG	985.010.307.677	(5.344.337.062)	1.108.507.814.123	(5.344.337.062)	979.665.970.615	1.103.163.477.061
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	6.640.206.913.369	0	7.309.259.506.764	0	6.640.206.913.369	7.309.259.506.764
- Phải trả người bán	397.808.223.026	0	431.612.016.145	0	397.808.223.026	431.612.016.145
- Phải trả khác (*)	3.133.700.637.798	0	2.762.716.386.121	0	3.133.700.637.798	2.762.716.386.121
- Chi phí phải trả	126.393.923	0	2.279.072.989	0	126.393.923	2.279.072.989
TỔNG CỘNG	10.171.842.168.116	0	10.505.866.982.019	0	10.171.842.168.116	10.505.866.982.019

(*) Số dư tại ngày 01/01/2021 được trình bày lại cho phù hợp với các quy định hiện hành.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này sau khi trừ phần dự phòng có khả năng không thu hồi được cho các phần nói trên do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	404.000.000.000	697.900.000.000
Cộng	404.000.000.000	697.900.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.060.310.900.945	745.398.857.312
Cộng	1.060.310.900.945	745.398.857.312

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8 - Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

2. Giao dịch với các bên liên quan**2.1 Đơn vị sở hữu vốn**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là đơn vị sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2021	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 30/6/2021
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000
Góp vốn	2.658.310.000.000	0	0	2.658.310.000.000

2.2 Công ty liên kết

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2021	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 30/6/2021
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc				
Góp vốn				
- Giá gốc	9.662.812.368	0	0	9.662.812.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2.3 Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Lợi nhuận còn lại năm 2014	(5.500.000.000)	39.500.000.000
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	4.417.450.000	(1.240.800.000)
		Mua hàng	3.625.420.000	0
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	268.263.133.200	(49.791.155.700)
		Lãi chậm trả tiền hàng	1.770.981.321	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng	9.018.132.016	1.413.367.349
		Trả cổ tức	6.659.776.200	0
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam - Chi nhánh phân bón - Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	4.257.292.000	0
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	7.810.296.000	(1.854.897.000)
Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	2.085.965.750	(576.969.250)
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	4.250.000.000	(4.550.000.000)
Công ty TNHH Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng	15.729.897.000	(1.469.048.200)
Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	12.396.993.000	(29.027.000)

2.4 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2021 là 1.102.408.746 đồng.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập chung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và 6 tháng đầu năm 2020 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Tại thời điểm 30/6/2021, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 5.601.303.706.557 đồng, lỗ lũy kế 5.161.887.387.112 đồng lớn hơn vốn góp của chủ sở hữu 2.392.968.738.567 đồng. Các nội dung này cho thấy các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

NGƯỜI LẬP BIỂU





Nguyễn Thị Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Anh Tuấn

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2021
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Đức Ninh